

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày: 21/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Xuân Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Gạt - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Bà Lê Thị Hồng - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Vỹ** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Tp.Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nghiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 06/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Trung Q , sinh ngày 02/9/1990 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: làm nông và phụ hồ; Trình độ văn hóa: 03/12; con ông Lê M, sinh năm 1962 và bà Trần Thị S, sinh năm 1961 (đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 03 anh em; Nhân thân: Ngày 07/12/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ra Quyết định 2385/QĐ-UB-NC về việc đưa Lê Trung Q vào Trường giáo dưỡng số 3-Bộ công an với hành vi “Trộm cắp tài sản” trong thời gian 24 tháng. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/8/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Trung C , sinh ngày 29/9/1998 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê M , sinh năm 1962 và bà Trần Thị S , sinh năm 1961 (đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Ông Phan T, sinh năm 1970; trú tại: Thôn L, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng (đã chết).

* Những người đại diện hợp pháp của ông Phan T gồm: Các con: Bà Phan Thị Lệ H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng; ông Phan Minh H1, sinh năm 1993; ông Phan Minh H2, sinh năm 1998. Vợ: bà Trần Thị Xuân L, sinh năm 1971; Mẹ ruột: bà Đinh Thị R, sinh năm 1917; cùng có nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Xuân L là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 11/5/2017. Bà H, ông H1, ông H2 và bà L có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 2, Phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Lê M, sinh năm 1962 và bà Trần Thị S, sinh năm 1961; cùng có nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Ông M, bà S đều có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975; trú tại: Thôn P, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 1983; trú tại: Thôn P, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

1. Ông Đoàn Đức T, sinh năm 1982; trú tại: Tổ 36, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn T, sinh năm 1967; trú tại: Thôn H, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thọ P, sinh năm 1960; trú tại: Phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 01/4/2017, do không có xe để đi chơi nên Lê Trung Q đã mượn xe mô tô BKS 43S6-1892 của em trai là Lê Trung C. Mặc dù biết rõ Q không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng C vẫn đồng ý và đưa chìa khóa xe cho Q để Q điều khiển xe đi chơi. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô BKS 43S6-1892 đi nhậu với bạn là Đoàn Đức T tại quán nhậu đối diện Bệnh viện Đa khoa huyện Hòa Vang. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Trung Q và Đoàn Đức T không nhậu nữa mà ra về, Q điều khiển xe mô tô BKS 43S6-1892 chạy trên đường Trường Sơn theo hướng Quảng Nam đi Đà Nẵng. Khi đến địa phận thôn Đ, xã N (nơi có điểm giao cắt để qua đường) thì Q cho xe chuyển hướng qua trái, thuộc phần đường Đà Nẵng đi Quảng Nam. Cùng lúc này có ông Phan T, điều khiển xe mô tô BKS 43H9-5537 chạy trên đường Trường Sơn theo hướng Đà Nẵng đi Quảng Nam chạy tới, xe mô tô BKS 43H9-5537 do ông Phan T điều khiển tông

vào bộ phận giảm thanh (ống pô) bên phải của xe mô tô BKS 43S6-1892 dẫn đến tai nạn giao thông.

Sau khi tai nạn xảy ra, Q đã điều khiển xe 43S6-1892 bỏ chạy khỏi hiện trường. Đến ngày 02/4/2017, Cơ quan công an truy tìm và triệu tập được Q để làm việc. Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hậu quả:

- Ông Phan T bị thương và được điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng. Đến ngày 03/4/2017, ông Phan T tử vong.

- Xe mô tô 43S6-1892 và xe mô tô 43H9-5537 bị hư hỏng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 34/TgT ngày 03/5/2017 của Trung tâm pháp y thành phố Đà Nẵng thì ông Phan T tử vong do hôn mê sâu, suy hô hấp, trụy tim mạch, ngừng thở, ngừng tim.

Tang vật tạm giữ:

- Một xe mô tô mang biển kiểm soát 43S6-1892 (số máy 0012711, số khung 51001711); một giá đèo hàng bị cong; ba mảnh nhựa màu xanh; một ốp nhựa màu đen và giấy đăng ký xe mô tô 43S6-1892.

- Một xe mô tô mang biển kiểm soát 43H9-5537 (đã được trả lại cho gia đình người bị hại).

Về phần dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình người bị hại yêu cầu Lê Trung Q, Lê Trung C phải bồi thường tiền chi phí mai táng và tiền tổn thất tinh thần là 65.000.000 đồng. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được 20.000.000 đồng. Gia đình người bị hại yêu cầu Lê Trung Q, Lê Trung C bồi thường số tiền còn lại là 45.000.000 đồng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường trong vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 01/4/2017 tại đường Trường Sơn, phần đường theo hướng Đà Nẵng đi Quảng Nam, thuộc địa phận thôn Đ, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng, hiện trường để lại như sau:

Đoạn đường xảy ra tai nạn là khu vực quay đầu xe, mặt đường được chia làm hai phần đường xe chạy ngược chiều nhau bằng dải phân cách cứng cố định (con lươn). Tình trạng mặt đường xảy ra tai nạn giao thông bằng phẳng được trải thảm nhựa được chia làm 3 làn đường bằng dải phân cách mềm.

Hướng khám nghiệm chính của vụ tai nạn giao thông được lấy theo hướng Đà Nẵng đi Quảng Nam, tất cả kéo vuông góc vào lề đường bên phía tay phải theo hướng khám nghiệm. Lắc trụ điện ký hiệu CS71T3 nằm trên dải phân cách đường Trường Sơn làm mốc của vụ tai nạn.

Xe mô tô 43H9-5537 được dựng đứng trên mặt đường, đầu xe quay chệch về hướng Đà Nẵng, đuôi xe quay về hướng Quảng Nam. Trước bên phải xe cách trụ điện chiếu sáng CS71T3 là 4,2m và cách điểm đầu dải phân cách cứng về

hướng Đà Nẵng là 06m; trực trước bên trái xe cách mép đường bên phải là 6,9m; trực sau bên trái xe cách mép đường là 6,7m.

Vết xước (1) không liên tục để lại trên mặt đường dài 5,35m có hướng Đà Nẵng – Quảng Nam. Đầu vết xước cách mép đường bên phải là 4,6m và cách điểm gần nhất của vạch kẻ dành cho người đi bộ qua đường về hướng Quảng Nam là 1,9m; điểm cuối vết xước là 3,4m và cách đầu của vết xước (2) là 2,9m.

Vết xước (2) không liên tục dài 1,77m để lại trên mặt đường có chiều hướng Đà Nẵng đi Quảng Nam, đầu vết xước cách mép đường bên phải là 5,6m; điểm cuối vết xước cách mép đường bên phải là 06m và cách trực trước bên trái xe mô tô BKS 43H9-5537 là 01m.

Xe mô tô BKS 43S6-1892 ngã nghiêng sang phải nằm trên mặt đường; đầu xe quay về hướng Quảng Nam, đuôi xe quay về hướng Đà Nẵng. Trực sau xe cách mép đường bên phải là 0,95m và cách điểm cuối vết xước (1) là 06m và cách trực trước xe 43H9-5537 là 6,1m; trực xe cách mép đường bên phải là 1,45m.

Ngoài ra, quá trình khám nghiệm không phát hiện gì thêm.

Kết quả khám xe mô tô 43S6-1892:

Đoạn $\frac{1}{2}$ bộ phận giảm thanh (ống pô) bị lún móp vào trong kích thước 10 cm x 9cm, trên nền mặt vị trí lún móp có dính lại vết su lớp màu đen kích thước 4cm x 3cm tương ứng làm cho vị trí lún móp này bị gập vào trong so với vị trí ban đầu. Mặt ngoài trên cách vị trí lún móp mang dòng chữ VD 168 có nhiều vết xước kim loại kích thước 6cm x 3cm có chiều hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên.

Khung kim loại để gác chân sau bên phải gập vào thân xe có vết bào mòn kim loại kích thước 3cm x 3cm tương ứng thanh kim loại dùng để bắt gác chân sau bên phải bị nứt hở dài 2,5cm.

Phụ tùng bên phải bị cong lệch sang trái về trước so với vị trí ban đầu.

Ốp nhựa thân xe phía sau bên phải đã bị thay thế.

Su tay cầm bên trái bị trầy xước làm sơ su có kích thước 2cm x 1cm.

Đầu thanh kim loại gác chân trước bên trái bị trầy xước kim loại.

Kết quả khám xe mô tô BKS43H9-5537:

Vành trước bị móp méo biến dạng tương ứng tại vị trí dòng chữ và số 33L (4PR) của lốp trước bị lún móp vào trong kích thước 14cm x 7cm. Tăm xe bánh trước bị gãy 10 cây.

Phụ tùng bị gãy rơi ra khỏi vị trí ban đầu còn dính lại bởi dây phanh trước xe.

Ốp nhựa phía sau đồng hồ đo kilomet bị vỡ, rơi mặt đồng hồ kilomet ra khỏi vị trí ban đầu.

Đầu su tay cầm lái bên trái bị bào mòn kích thước 3cm x 2,5cm.

Su gác chân trước bên trái bị bào mòn để lộ thanh kim loại bị trầy xước kích thước 4cm x 2,5cm.

Mặt ngoài phía trên gác chân sau bên phải bị trầy xước su và kim loại kích thước 1cm x 1cm tương ứng làm cho phía dưới của vị trí bắt gác chân này bị nứt hờ có chiều từ dưới lên trên.

Cụm đèn báo hãm, đèn tín hiệu phía sau, chắn bùn sau, biển số xe bị rơi ra ngoài.

Tại bản cáo trạng số 41/KSĐT ngày 05/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Trung Q về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo điểm a, c khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Trung C về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 1 Điều 205 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a, c khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trung Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 205 của Bộ luật hình sự; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật hình sự; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Lê Trung C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Trung C tiếp tục bồi thường số tiền 15.000.000 đồng còn lại theo yêu cầu của những người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Về tang vật: Đề nghị trả lại 01 xe mô tô BKS 43S6-1892 (số máy 0012711, số khung 51001711) cho Lê Trung C. Đề nghị tịch thu tiêu hủy: một giá đèn hàng bị cong; 03 mảnh nhựa màu xanh; một ốp nhựa màu đen.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Lê Trung Q, Lê Trung C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/4/2017, Lê Trung Q không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 lưu thông trên đường Trường Sơn theo hướng Quảng Nam đi Đà Nẵng, khi đến đoạn đường có điểm giao cắt để qua đường, Lê Trung Q đã không quan sát kỹ, không nhường đường cho xe đi theo hướng ngược lại dẫn đến gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển kiểm soát 43H9-5537 do ông Phan T điều khiển, làm ông Phan T tử vong.

Đối với Lê Trung C, mặc dù biết rõ Lê Trung Q không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật, nhưng Lê Trung C vẫn giao xe cho Lê Trung Q điều khiển dẫn đến gây tai nạn giao thông làm ông Phan T tử vong.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Trung Q đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a,c khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo Lê Trung C đã phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 205 của Bộ luật hình sự như cáo trạng số 41/KSĐT ngày 05/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội và có cơ sở pháp luật.

Xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhận thức và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Trung Q: Căn cứ vào hồ sơ tài liệu, chứng cứ thu thập đã thể hiện một phần nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông là do Lê Trung Q không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng điều khiển xe mô tô 43S6-1892 tham gia giao thông trên đường Trường Sơn theo hướng Quảng Nam đi Đà Nẵng, khi đi đến địa phận thôn Đ, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng thì chuyển hướng rẽ trái sang phần đường bên trái nhưng không nhường đường cho xe đi ngược chiều, vi phạm khoản 1 Điều 58 (*Người lái xe tham gia giao thông phải đảm bảo độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp*) và khoản 2 Điều 15 (*Trong khi chuyển hướng, người lái xe phải nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác*) của Luật giao thông đường bộ khiến ông Phan T đang điều khiển xe mô tô 43H9-5537 chạy từ hướng Đà Nẵng đến không xử lý kịp đã tông vào đoạn $\frac{1}{2}$ bộ phận giảm thanh (ống pô) bên phải của xe 43S6-1892, dẫn đến vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng làm ông Phan T tử vong. Sau khi tai nạn xảy ra, Lê Trung Q điều khiển xe 43S6-1892 bỏ chạy khỏi hiện trường, bị cáo đã vi phạm vào khoản 17 Điều 8 Luật giao thông đường bộ (*Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm*).

Đối với bị cáo Lê Trung C: Bị cáo Lê Trung C là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892. Dù biết rõ Lê Trung Q không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn giao xe cho Lê Trung Q điều khiển tham gia giao thông gây tai nạn giao thông hậu quả nghiêm trọng, bị cáo Lê Trung C đã vi phạm vào khoản 10

Điều 8 Luật giao thông đường bộ (*Giao xe cơ giới cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ*).

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Do tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Bị cáo Lê Trung Q đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại được 20.000.000 đồng, bị cáo Lê Trung C đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại được 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất để các bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng. Cha các bị cáo là ông Lê M , được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng bằng khen đã hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ; được tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng; được tặng giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015. Mặt khác, người bị hại cũng có một phần lỗi là khi điều khiển xe mô tô 43H9-5537 tham gia giao thông nhưng trong máu có nồng độ cồn là 195miligam/100mililit máu, vi phạm vào khoản 8 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Trung C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo Lê Trung C hình phạt nhẹ hơn bị cáo Lê Trung Q.

Bị cáo Lê Trung Q có trình độ học vấn 03/12 nên nhận thức pháp luật cũng hạn chế, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng vẫn đảm bảo trong khung hình phạt liên kề nhẹ hơn của điều luật để vừa có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung vừa thể hiện tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Tại khoản 1 Điều 205 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “Người nào điều động hoặc giao cho người không có giấy phép hoặc bằng lái xe hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, *cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ một năm đến ba năm.*”

Tuy nhiên, tại khoản 76 Điều 1 của Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 quy định: “Sửa đổi, bổ sung Điều 264 như sau:

Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc *phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*”

Trong khi đó, điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định: “Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; *quy định hình phạt nhẹ hơn*, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích;”

Bị cáo Lê Trung C phạm tội ít nghiêm trọng, đang là sinh viên trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng, có nơi thường trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà nên giao bị cáo cho cơ quan, tổ chức nơi bị cáo làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Lê Trung C cải tạo không giam giữ cũng thỏa đáng. Mặc dù khi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên nhưng hiện nay đang là sinh viên, chưa có việc làm, còn sống phụ thuộc vào cha mẹ và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên cho bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập là phù hợp.

* Về trách nhiệm dân sự:

Những người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền chi phí mai táng và tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại là 65.000.000 đồng. Bị cáo Lê Trung Q đã bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại 20.000.000 đồng, bị cáo Lê Trung C đã bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Xuân L, bà Phan Thị Lệ H, ông Phan Minh H1, ông Phan Minh H2 và bị cáo Lê Trung Q, Lê Trung C tự nguyện thỏa thuận như sau: Bị cáo Lê Trung Q tiếp tục bồi thường tiền chi phí mai táng và tổn thất tinh thần còn lại cho gia đình người bị hại là 15.000.000 đồng vào ngày 01/01/2019. Đây là ý chí tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Ông Lê M, bà Trần Thị S không có yêu cầu gì đối với các bị cáo về số tiền 50.000.000 đồng đã thay các bị cáo bồi thường cho gia đình người bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*** Về tang vật:**

- Đối với một xe mô tô mang biển kiểm soát 43H9-5537: Xe này do bà Nguyễn Thị Khánh L bỏ tiền mua nhưng nhờ ông Nguyễn Hữu T đứng tên chủ sở hữu. Bà Nguyễn Thị Khánh L, ông Nguyễn Hữu T đã xác nhận xe này đã được bán nhưng không nhớ bán cho ai, chỉ viết giấy tay, chưa sang tên đổi chủ, hiện nay ông Nguyễn Thị Khánh L, ông Nguyễn Hữu T không còn liên quan hay tranh chấp gì đến xe này nữa. Bà Trần Thị Xuân L cũng xác nhận xe mô tô biển kiểm soát 43H9-5537 là do ông Phan T mua lại vào năm 2016 của một người sửa xe nhưng xác định rõ cụ thể của ai. Sau khi xác định rõ quyền sở hữu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 43H9-5537 cho gia đình ông Phan T là phù hợp nên không đề cập đến.

- Đối với một xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 (số máy 0012711, số khung 51001711) do bà Lê Thị Ánh T đứng tên chủ sở hữu nhưng bà Lê Thị Ánh T xác nhận xe này đã được bán nhưng không nhớ bán cho ai, chỉ viết giấy tay, chưa sang tên đổi chủ, hiện nay bà không còn liên quan hay tranh chấp gì đến xe này nữa. Bà Trần Thị S, ông Lê M xác nhận xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 (số máy 0012711, số khung 51001711) là do hai vợ chồng mua vào năm 2016 cho con Lê Trung C để đi học nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ cho Lê Trung C, ông bà không nhớ rõ mua của ai, nay ông bà không có ý kiến tranh chấp gì đến xe này với Lê Trung C. Bà Trần Thị Xuân L và các con của bà Trần Thị Xuân L đồng ý để bị cáo Lê Trung C nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 (số máy 0012711, số khung 51001711) đi học. Xét ý chí tự nguyện của các bên không trái pháp luật nên chấp nhận.

- Đối với một giá đèn hàng bị cong; 03 mảnh nhựa màu xanh; một ốp nhựa màu đen của xe liên quan trong vụ tai nạn: Không ai có nhu cầu nhận lại và cũng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô số 0015601 của xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 do bà Lê Thị Ánh T đứng tên chủ xe là giấy tờ liên quan đến xe mô tô của Lê Trung C nên trả lại để bị cáo thực hiện việc sang tên đổi chủ đối với xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 theo quy định pháp luật (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án).

* **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm. Do bị cáo Lê Trung Q có nghĩa vụ bồi thường số tiền 15.000.000 đồng còn lại cho gia đình người bị hại nên bị cáo phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Trung Q phạm tội: "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Bị cáo Lê Trung C phạm tội: "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

2. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Trung Q 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị bắt giam, ngày 16/8/2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 205 của Bộ luật hình sự; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật hình sự ; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Lê Trung C 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Lê Trung C về cho UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với trường học mà bị cáo đang theo học, phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Do bị cáo hiện nay đang là sinh viên, chưa có việc làm, còn sống phụ vào cha mẹ và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên được miễn khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước nhưng phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 591 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Trung Q, Lê Trung C có nghĩa vụ bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của ông Phan T tiền chi phí mai tang và tổn thất tinh thần là 65.000.000đ (trong đó bị cáo C đã bồi thường được 30.000.000 đồng, bị cáo Q đã bồi thường được 20.000.000đ). Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên như sau: Bị cáo Q có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường tiền chi phí mai táng và tổn thất tinh thần còn lại cho gia đình người bị hại là 15.000.000 đồng vào ngày 01/01/2019 là xong dứt điểm.

5. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 giá đèo hàng bị cong; 03 mảnh nhựa màu xanh; một ốp nhựa màu đen.

- Tuyên trả 01 xe một mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 (số máy 0012711, số khung 51001711) cho Lê Trung C.

Tất cả các vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

- Trả cho bị cáo Lê Trung C 01 giấy đăng ký xe mô tô số 0015601 của xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 do bà Lê Thị Ánh T đứng tên chủ xe. Bị cáo có nghĩa vụ thực hiện việc sang tên đổi chủ đối với xe mô tô biển kiểm soát 43S6-1892 theo quy định pháp luật (giấy đăng ký xe mô tô số 0015601 hiện đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án).

6. Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Trung Q phải chịu 750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/9/2017. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THA DS huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Công an huyện Hòa Vang;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG